

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN²
Năm: 2026

I. THÔNG TIN CHUNG³

1. Tên Trường (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
- Tên tiếng Anh: University of Economics - Technology for Industries
- Viết tắt: UNETI

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của Nhà trường, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Nhà trường (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Trụ sở chính: 353 Trần Hưng Đạo, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình; và Khu xưởng thực hành, phường Mỹ Xá, tỉnh Ninh Bình.

- Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Phân hiệu), gồm các địa điểm:

Số 454-456 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

Số 218 đường Lĩnh Nam, phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

- Cổng thông tin điện tử chính thức của trường: <http://www.uneti.edu.vn>

- Liên hệ:

+ Điện thoại: 0243 8621504 và 0228 3848706

+ Fax: 0243 8623938

3. Loại hình đào tạo, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: Công lập; Trực thuộc Bộ Công thương

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu.

- Sứ mạng:

Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ. Sứ mạng của Nhà trường là thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước.

- Tầm nhìn: Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước.

- Giá trị cốt lõi:

+ Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội.

+ Lấy mục tiêu phát triển bền vững là nền tảng;

+ Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hướng tới;

+ Đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội là phương châm hành động.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp I, tiền thân là Trường Trung cấp Kỹ thuật III, được thành lập ngày 25 tháng 6 năm 1956.

Ngày 01/03/1961 Trường được chuyển về địa điểm 353 Trần Hưng Đạo và đổi tên thành Trường Kỹ thuật Trung cấp Công nghiệp nhẹ.

Năm 1965, để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của đất nước, sự lớn mạnh của Ngành, cũng như để chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, leo thang ném bom miền Bắc, Nhà trường đã được tách thành 3 trường:

- Trường Trung học Kỹ thuật Cơ khí vật dụng Hà Bắc;
- Trường Trung học Kỹ thuật Muối Đồ Sơn Hải Phòng;
- Trường Trung học Kỹ thuật Dệt Nam Định.

Ngày 25/1/1971; Trường được nhập với Viện Công nghiệp Dệt Sợi thành Viện Dệt Sekou Toure.

Năm 1975, Viện Dệt Sekou Toure được tách ra thành Viện Công nghiệp Dệt Sợi và chuyển về Hà Nội (đồng thời thành lập thêm Phân viện tại Tp. Hồ Chí Minh) và Trường Trung học Kỹ thuật Dệt ở lại Nam Định.

Năm 1982, Bộ Công nghiệp nhẹ đã cho nhập Trường Trung học Giấy Việt Trì, Trường Cán bộ quản lý Bộ Công nghiệp Nhẹ và hệ Trung học May ở Trường May Dâu Keo (Gia Lâm) về Trường, với tên chung là Trường Kỹ thuật Công nghiệp Nhẹ Nam Định và sau đó vào năm 1991, được đổi tên thành Trường Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp Nhẹ Nam Định.

Năm 1992, Bộ Công nghiệp Nhẹ tiếp tục sáp nhập Trường Công nhân Kỹ thuật Công nghiệp Nhẹ Hà Nội (trước đó là Trường Công nhân thuộc Nhà máy Dệt 8/3) với Trường Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp Nhẹ Nam Định, lấy tên là Trường Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp Nhẹ. Từ đây, Trường có 2 cơ sở: 456 Minh Khai – Hà Nội và 353 Trần Hưng Đạo – Nam Định.

Năm 1996, Trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ và đến ngày 18/04/1998; Trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp I.

Ngày 11/9/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1206/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp I.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ và tên: TS. Trần Hoàng Long

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: 456 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng thành phố Nam Định.

Số điện thoại: 0243 8621504

Địa chỉ thư điện tử: thlong@uneti.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của Nhà trường hoặc phân hiệu của Nhà trường (nếu có);

Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc phân hiệu (nếu có);

- Tiến sĩ Trần Hoàng Long - Hiệu trưởng:

+ Quyết định số 456/QĐ-BCT ngày 01 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công nhận đồng chí Trần Hoàng Long tiếp tục giữ chức vụ Hiệu trưởng cho đến hết nhiệm kỳ 2020-2025 trong phạm vi nhiệm kỳ của Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Quyết định số 525/QĐ-BCT ngày 07 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- PGS. TS. Nguyễn Hữu Quang: Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 05 tháng 09 năm 2022 về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của trường;

- Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 04 tháng 05 năm 2022 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Nghị quyết số 33/NQ-HĐT ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Chức năng:

(1) Trường thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ sau đại học, đại học và các trình độ thấp hơn theo quy định của pháp luật;

(2) Là cơ sở nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất - kinh doanh của ngành Công Thương và sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Nhiệm vụ và quyền hạn:

(1) Xây dựng quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển Trường từng giai đoạn, hàng năm trình Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

(2) Tuyển dụng, quản lý đội ngũ cán bộ viên chức, xây dựng đội ngũ giảng viên của Trường đủ về số lượng, cân đối về trình độ chuyên môn, ngành nghề, cơ cấu về độ tuổi và giới; đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ Công Thương;

(3) Tổ chức các hoạt động đào tạo

- Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ sau đại học, đại học và các trình độ thấp hơn

thuộc các chương trình đào tạo do Hiệu trưởng ký ban hành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đào tạo lại và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành, công nhân kỹ thuật bậc cao đạt tiêu chuẩn quy định của Nhà nước;

- Xác định và mở các ngành, chuyên ngành đào tạo đại học, sau đại học phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức các quá trình đào tạo, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

(4) Tổ chức và thực hiện công tác tuyển sinh, quản lý người học;

(5) Tổ chức nghiên cứu, triển khai hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ; liên kết, hợp tác dịch vụ khoa học và công nghệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;

(6) Thực hiện các hoạt động dịch vụ việc làm, xuất khẩu lao động và đưa chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực nghiệm, sản xuất - kinh doanh phù hợp với ngành nghề đào tạo;

(7) Tổ chức các hoạt động thông tin, in ấn, phát hành các ấn phẩm, tài liệu, giáo trình phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường theo quy định của pháp luật;

(8) Hợp tác Quốc tế, liên kết, liên thông về đào tạo - bồi dưỡng nguồn nhân lực;

(9) Tổ chức cho công chức, viên chức và cả người học tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với ngành nghề đào tạo và nhu cầu xã hội;

(10) Tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của các cơ quan có thẩm quyền; xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng; tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo;

(11) Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học công nghệ;

(12) Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất; quản lý, sử dụng đúng mục đích cơ sở vật chất, tài sản;

(13) Thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật. Quản lý và sử dụng đúng các nguồn vốn được Nhà nước, Bộ Công Thương giao và các nguồn huy động khác;

(14) Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong Trường; bảo vệ tài sản, bí mật quốc gia, xây dựng và thực hiện các quy chế, biện pháp bảo hộ, an toàn lao động;

(15) Chấp hành pháp luật về giáo dục, thực hiện xã hội hóa giáo dục;

(16) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Công Thương giao và theo quy định của Pháp luật.

d) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

STT	Đơn vị	Quyết định	Ghi chú
I	Các phòng		
1	Phòng Đào tạo	Thành lập theo Quyết định số 280/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 28/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp	
2	Phòng Tổ chức cán bộ	Thành lập theo Quyết định số 90/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 03/3/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp trên cơ sở tách ra từ Phòng Tổ chức CB-HSSV	
3	Phòng Tài chính kế toán	Thành lập theo Quyết định số 276/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 28/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp	
4	Phòng Khoa - Công nghệ	Thành lập theo Quyết định số 279/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 28/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp	
5	Phòng Hành chính quản trị	Thành lập theo Quyết định số 277/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 28/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp	
6	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	- Thành lập theo Quyết định số 91/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 03/3/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp trên cơ sở tách ra từ Phòng Tổ chức CB-HSSV; - Quyết định đổi tên số 572/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 15/08/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp.	
7	Phòng Thanh tra - Pháp chế	-Thành lập theo Quyết định số 248/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 21/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp. -Quyết định số 666-QĐ-ĐHKTKTCN ngày 02/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp về việc đổi tên gọi đơn vị, chức danh cán bộ quản lý và điều chuyển chức năng, nhiệm vụ, nhân sự giữa các đơn vị thuộc Trường Đại học KT-KT Công nghiệp	
8	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	-Thành lập theo Quyết định số 564/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 01/10/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp trên cơ sở nâng cấp Tổ khảo thí - Quyết định đổi tên số 666-QĐ-ĐHKTKTCN ngày 02/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp về việc đổi tên gọi đơn vị, chức danh cán bộ quản lý và điều chuyển chức năng, nhiệm vụ, nhân sự giữa các đơn vị thuộc Trường Đại học KT-KT Công nghiệp. - Quyết định đổi tên số 54-QĐ-ĐHKTKTCN ngày 22/02/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp về việc đổi tên Phòng Quản lý chất lượng thành phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.	

STT	Đơn vị	Quyết định	Ghi chú
9	Phòng Công nghệ Thông tin	Thành lập theo Quyết định số 628/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 01/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp	
10	Phòng Tuyển sinh, Truyền thông và Đối ngoại	-Thành lập theo Quyết định số 125/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 15/04/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp - Quyết định số 385/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 30/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp về việc đổi tên Trung Tâm Tuyển sinh và tư vấn giới thiệu việc làm thành Phòng Tuyển sinh và Truyền thông - Quyết định số 316/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 03/4/2025	
II Các Khoa:			
1	Khoa Dệt May & Thời trang	-Thành lập theo Quyết định số 242/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 21/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp - Quyết định số 385/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 30/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp về việc đổi tên Khoa Dệt – May và Da giày thành Khoa Dệt may và Thời trang	
2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Thành lập theo Quyết định số 241/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 21/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp	
3	Khoa Công nghệ Thông tin	- Thành lập theo Quyết định số 278/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 28/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp	
4	Khoa Cơ khí	Thành lập theo Quyết định số 275/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 28/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp	
5	Khoa Điện - Tự động hóa	-Thành lập theo Quyết định số 768/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 31/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp trên cơ sở tách ra từ Khoa Điện – Điện tử - Quyết định thành lập số 1149/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 28/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp trên cơ sở bổ sung chức năng, nhiệm vụ Khoa Điện	
6	Khoa Điện tử và kỹ thuật máy tính	-Thành lập theo Quyết định số 769/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 31/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp trên cơ sở tách ra từ Khoa Điện – Điện tử	

d) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo Nhà trường và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của Nhà trường (nếu có).

Nơi làm việc: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Điện thoại: 0243 8621504

TT	Họ tên	Chức vụ	Email
1	Trần Hoàng Long	Phó Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng	thlong@uneti.edu.vn
2	Phạm Thị Thu Hoài	Bí thư Đảng ủy	ptthoai@uneti.edu.vn
3	Nguyễn Hữu Quang	UVTV ĐU, Phó Hiệu trưởng	nhquang@uneti.edu.vn
4	Đoàn Văn Đại	Phó BT Đảng ủy, Trưởng phòng Pháp chế& KTNB kiêm PGĐ phụ trách TT GDQPAN	dvdai@uneti.edu.vn
5	Trần Ngọc Ban	UVTV ĐU, Trưởng phòng Hành chính quản trị	tnban@uneti.edu.vn
6	Lê Mạnh Thắng	ĐUV, Trưởng phòng Chính trị và Công tác sinh viên	lmthang@uneti.edu.vn
7	Trần Thị Kim Liên	ĐUV, Trưởng phòng Tài chính kế toán	ttklien@uneti.edu.vn
8	Vũ Thị Thu Huyền	ĐUV, Trưởng Phòng TCCB, Chủ tịch CĐ CS Nam Định	vtthuyen@uneti.edu.vn
9	Lưu Khánh Cường	ĐUV, Trưởng khoa QT& Marketing, kiêm phụ trách Trung tâm Hợp tác quốc tế	lkcuong@uneti.edu.vn
10	Nguyễn Ngọc Toàn	ĐUV, Chủ tịch CĐ CS Hà Nội, Phó trưởng Phòng TCCB	nntoan@uneti.edu.vn
11	Trần Thị Hoàng Yến	ĐUV, Trưởng khoa KHUD	tthyen@uneti.edu.vn
12	Nguyễn Trường Giang	ĐUV, Phó trưởng Phòng Đào tạo	ntgiang@uneti.edu.vn
13	Vũ Hồng Thanh	ĐUV, Trưởng phòng TS, TT và ĐN	vhthanh@uneti.edu.vn
14	Nguyễn Thị Hà	ĐUV, Giám đốc TT Thư viện	ntha@uneti.edu.vn
15	Thân Văn Diễm	Phó trưởng phòng HCQT	tvdien@uneti.edu.vn
16	Phạm Thị Minh Hoa	Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	ptmhoa@uneti.edu.vn
17	Dương Thế Việt	Phó trưởng phòng Khảo thí & ĐBCL	dtviet@uneti.edu.vn
18	Vũ Minh Đức	Phó trưởng phòng Khảo thí & ĐBCL	vmduc@uneti.edu.vn
19	Nguyễn Như Vĩnh	Phó trưởng phòng CT&CTSV	nnvinh@uneti.edu.vn
20	Nguyễn Văn Hòa	Trưởng phòng Công nghệ thông tin	nvhoa@uneti.edu.vn
21	Hoàng Anh Tuấn	Trưởng phòng Đào tạo	hatuan@uneti.edu.vn
22	Nguyễn Anh Tuấn	Phó trưởng phòng phụ trách phòng Khoa học - Công nghệ	ntanh@uneti.edu.vn
23	Bùi Mạnh Tú	Phó trưởng phòng Khoa học - Công nghệ	bmtu@uneti.edu.vn
24	Đỗ Thị Minh Hạnh	Phó trưởng phòng Tổ chức cán bộ kiêm GD TT CNSH\$VSATTP	dtmhanh@uneti.edu.vn
25	Hoàng Thị Huyền	Phó trưởng phòng TCKT kiêm GD TT Tin học&NN	hthuyen@uneti.edu.vn
26	Nguyễn Thị Diệu Hiền	Phó trưởng Pháp chế& KTNB	ntdhuyen@uneti.edu.vn
27	Dương Hoài Văn	Phó trưởng phòng Pháp chế và KTNB	dhvan@uneti.edu.vn
28	Lê Thanh Tùng	GD TT Quản lý xây dựng và DV	littung@uneti.edu.vn
29	Vũ Sinh Lương	PGĐ TT Quản lý xây dựng và DV	vsluong@uneti.edu.vn
30	Đinh Thị Kim Xuyên	Phó trưởng phòng TS, TT và ĐN	dtkxuyen@uneti.edu.vn

31	Trần Thị Mỹ Linh	Phó trưởng phòng TS, TT và ĐN	ttmlinh@uneti.edu.vn
32	Đào Anh Tuấn	Phó trưởng khoa phụ trách khoa DM & TT	datuan@uneti.edu.vn
33	Nguyễn Quốc Toàn	Phó trưởng khoa DM&TT	ngtoan@uneti.edu.vn
34	Đặng Thị Thanh Quyên	Trưởng Khoa CNTP	dt Quyen@uneti.edu.vn
35	Hồ Tuấn Anh	Phó trưởng khoa CNTP	htanh@uneti.edu.vn
36	Nguyễn Hoàng Chiến	Trưởng khoa CNTT	nhchien@uneti.edu.vn
37	Cao Ngọc Ánh	Phó trưởng khoa CNTT	cnanh@uneti.edu.vn
38	Võ Thu Hà	Trưởng khoa Điện - Tự động hóa	vtha@uneti.edu.vn
39	Trần Ngọc Sơn	Phó trưởng khoa Điện - Tự động hóa	tnson@uneti.edu.vn
40	Bùi Huy Hải	Trưởng khoa Điện tử và Kỹ thuật máy tính	bhhai@uneti.edu.vn
41	Nguyễn Thành Huân	Phó trưởng khoa phụ trách khoa Cơ khí	nthuan@uneti.edu.vn
42	Phạm Vũ Dũng	Phó trưởng khoa Cơ khí	pvdung@uneti.edu.vn
43	Phạm Thị Lụa	Trưởng Khoa Du lịch và Khách sạn kiêm phụ trách khoa Kế toán - Kiểm toán	ptlua@uneti.edu.vn
44	Hoàng Thị Phương Lan	Phó trưởng khoa Kế toán - Kiểm toán	htplan@uneti.edu.vn
45	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Phó trưởng khoa Kế toán - Kiểm toán	ntnlan@uneti.edu.vn
46	Nguyễn Thị Chi	Trưởng khoa Thương mại	ntchi@uneti.edu.vn
47	Nguyễn Thị Phượng	Phó trưởng khoa Thương mại	ntp Phuong@uneti.edu.vn
48	Phùng Thị Lan Hương	Trưởng khoa TC-NH & BH	ptlhuong@uneti.edu.vn
49	Vũ Thị Thục Oanh	Phó trưởng khoa TC-NH & BH	vttoanh@uneti.edu.vn
50	Phương Mai Anh	Phó trưởng khoa Du lịch và Khách sạn	pmanh@uneti.edu.vn
51	Mai Thị Lụa	Phó trưởng khoa Quản trị và Marketing	mtlua@uneti.edu.vn
52	Phạm Trung Hải	Phó trưởng khoa Quản trị và Marketing	pthai@uneti.edu.vn
53	Nguyễn Văn Bảng	Phó trưởng Khoa LLCT & PL	nvbang@uneti.edu.vn
54	Ngô Thị Mai	Phó trưởng Khoa, phụ trách khoa LLCT & PL	ntmai@uneti.edu.vn
55	Cao Diệp Thắng	Phó trưởng khoa KHUD	cdthang@uneti.edu.vn
56	Chu Bình Minh	Phó trưởng khoa KHUD	cbminh@uneti.edu.vn
57	Vũ Việt Phương	Phó trưởng Khoa, phụ trách khoa NN	vvphuong@uneti.edu.vn
58	Phạm Cao Cường	Trưởng khoa GDTC	pccuong@uneti.edu.vn
59	Trần Trọng Thân	Phó trưởng khoa GDTC	ttthan@uneti.edu.vn
60	Hoàng Thị Minh Lý	Phó giám đốc TT Ngoại ngữ - tin học	htmly@uneti.edu.vn
61	Trần Xuân Hà	Chủ tịch hội CCB	txha@uneti.edu.vn
62	Giáp Văn Dương	Phó trưởng phòng CT-CTSV, UVTV BCH Đoàn, Bí thư Đoàn TNCSHCM	gvduong@uneti.edu.vn
63	Nguyễn Ngọc Hữu	Phó giám đốc TT GDQP&AN	nnhuu@uneti.edu.vn

8. Các văn bản khác: Chiến lược phát triển; quy chế dân chủ ở cơ sở; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của Nhà trường và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Quyết định số 59/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc ban hành Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030.

- Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Nghị quyết số 21a/NQ-HĐT ngày 05 tháng 08 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tài chính của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Quyết định số 221/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 08 tháng 04 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và công tác cán bộ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của Nhà trường:

<https://uneti.edu.vn/category/tuyen-dung/>

- Các quy định, quy chế nội bộ khác:

<https://tracuuvanban.uneti.edu.vn/>

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian⁴

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo ⁵	Năm trước liền kề năm báo cáo ⁶
1	Tỉ lệ người học trên giảng viên	28.78	27.51
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	86.02	85.11
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	26.08	22.7

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo⁷

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
I	Giảng viên toàn thời gian	736	0	544	192	37	7
1	Nhân Văn	27	0	24	3	0	0
2	Kinh Doanh và Quản lý	276	0	198	78	13	1
3	Toán và thống kê	17	0	12	5	1	1
4	Máy tính và CNTT	98	0	73	25	3	1
5	Công nghệ kỹ thuật	212	0	156	56	12	1
6	Sản xuất chế biến	74	0	55	19	6	1
7	Du lịch, khách sạn, TDTT và DV cá nhân	32	0	26	6	2	2

II	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	669	0	532	137	10	0
1	Nhân Văn	26	0	23	3	0	0
2	Kinh Doanh và Quản lý	250	0	195	55	2	0
3	Toán và thống kê	12	0	12	0	0	0
4	Máy tính và CNTT	92	0	73	19	0	0
5	Công nghệ kỹ thuật	196	0	151	45	5	0
6	Sản xuất chế biến	66	0	53	13	3	0
7	Du lịch, khách sạn, TDTT và DV cá nhân	27	0	25	2	0	0

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ⁸

TT	Chỉ số	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	27	27
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	174	174
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	28.2	28.2

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất⁹

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m2)	13.160	14.217
2	Diện tích sàn/người học (m2)	4.74	5.14
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	92.4	98.9
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	545	172
5	Số bản sách/người học	20.1	9.4
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	37.07	34.14
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	254	250

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo¹⁰

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Ninh Bình	Cơ sở 353 Trần Hưng Đạo	17.449	32.470
		Cơ sở Mỹ Xá	246.828	8.551
2	Hà Nội	Khu nhà văn phòng 456 Minh Khai	428	2.628
		Khu vực giảng đường 454 Minh Khai	5.385	7.900
		Cơ sở 218 Lĩnh Nam	20.048	52.846
Tổng cộng			290.138	104.395

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà...		
1.1	San nền xây dựng cảnh quan lề hồ và đường nội bộ	Phường Thành Nam, Tỉnh Ninh Bình	12.940
1.2	Cải tạo nhà NC2 thành trung tâm thư viện của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	14.850
1.3	Dự án đầu tư xây dựng văn phòng làm việc các khoa và các trung tâm đào tạo nghiên cứu dịch vụ Khoa học kỹ thuật và Hợp tác quốc tế của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp GD 2	Phường Hoàng Mai, Hà Nội	310.250
2	Nâng cấp tòa nhà...	0	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...	0	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm...	0	0

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - (CEA-AVU&C)

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Bộ tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục ban hành theo thông tư 12/2017/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục & Đào tạo Việt nam.

- Mức độ đạt kiểm định: Đạt

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 14 tháng 6 năm 2023 đến ngày 14 tháng 6 năm 2028

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	06/03/2020
2	7340301	Kế toán	Kế toán (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	06/03/2020
3	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	06/03/2020
4	7540101	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm(ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	24/04/2020
5	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	24/04/2020
6	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	24/04/2020

7	7480201	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	08/10/2020
8	7540204	Công nghệ dệt, may	Công nghệ dệt, may (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	08/10/2020
9	7510302	Công nghệ kỹ thuật ĐTVT	Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	08/10/2020
10	7340121	Kinh doanh thương mại	Kinh doanh thương mại (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	26/05/2022
11	7510303	CNKT Điều khiển & TĐH	CNKT Điều khiển & tự động hoá (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	26/05/2022
12	7540202	Công nghệ sợi, dệt	Công nghệ sợi, dệt (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	02/01/2024
13	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	02/01/2024
14	7510203	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	02/01/2024
15	7480102	Mạng máy tính và TTDL	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	02/01/2024
16	8540101	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm (ThS)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	02/01/2024
17	7540203	Công nghệ Dệt, May	Công nghệ Dệt, May (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	04/10/2025
18	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	04/10/2025
19	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị Du lịch và Lữ hành (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	04/10/2025
20	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	Công nghệ kỹ thuật Máy tính (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	04/10/2025
21	7480201	Công nghệ thông tin	Công nghệ Thông tin (ĐH)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	04/10/2025
22	8510201	Kỹ thuật Điện	Kỹ thuật Điện (ThS)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	04/10/2025
23	7340301	Kế toán	Kế toán (ĐH)	AUN-QA	29/10/2025
24	7340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị Kinh doanh	AUN-QA	29/10/2025
25	7510201	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	AUN-QA	29/10/2025

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo¹²

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	87.3%	85.4%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	49.8%	111.2%
3	Tỉ lệ thôi học	8.7%	3.94%
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	8.2%	7.86%
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	100%	69.1%
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	79%	64.0%
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	91.5%	93.0%
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	90.1%	92.5%
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	95.3%	97.8%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ¹³
I	Đại học	21.880	6.584	4.047	98.4
1	Nhân Văn	1.254	205	219	98.5
2	Kinh Doanh và Quản lý	10.293	2.661	2.015	98.9
3	Toán và thống kê	499	174	0	0
4	Máy tính và CNTT	3.117	804	533	98.62
5	Công nghệ kỹ thuật	5.821	1.775	887	98.5
6	Sản xuất chế biến	1.767	580	281	98.83
7	Du lịch, khách sạn, TDTT và DV cá nhân	1.055	385	112	97.36
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)	166	78	36	100
1	Kinh Doanh và Quản lý	93	46	6	100
2	Kỹ thuật	59	25	23	100
3	Sản xuất chế biến	14	7	5	100

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ¹⁴

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Số công bố khoa học/giảng viên	0.89	0,9
2	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0.11	0.1

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	03	745.315.000
3	Đề tài cấp cơ sở	248	4.318.900.000
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	06	1.195.315.000
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
	Tổng số	257	6.259.530.000

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	736	542
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	82	81
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	0	1
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	1	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	6	6

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính¹⁵

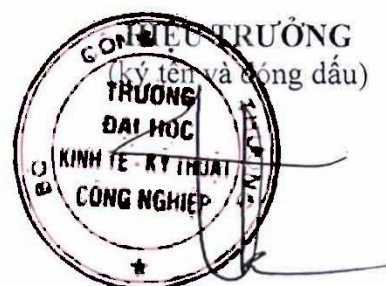
TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	8.73	13.48
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	3.32	3.75

2. Kết quả thu chi hoạt động¹⁶

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	562.746	484.082
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	6.515	2.896
II	Thu giáo dục và đào tạo	555.302	480.166
1	Học phí, lệ phí từ người học	555.302	480.166
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
4	Thu khác	0	0

III	Thu khoa học và công nghệ	929	1.020
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	929	1.020
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
3	Thu khác	0	0
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	0	0
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	532.653	410.901
I	Chi lương, thu nhập	243.369	234.735
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	174.193	166.253
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	69.176	68.482
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	254.060	142.658
1	Chi cho đào tạo	214.270	122.856
2	Chi cho nghiên cứu	31.341	12.994
3	Chi cho phát triển đội ngũ	3.428	3.070
4	Chi phí chung và chi khác	5.020	3.738
III	Chi hỗ trợ người học	35.224	33.508
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	32.333	31.467
2	Chi hoạt động nghiên cứu	281	408
3	Chi hoạt động khác	2.611	1.633
IV	Chi khác	0	0
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	30.093	73.180

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC¹⁷



TS. Trần Hoàng Long